

# SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

(2 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

– Hệ thống cách so sánh số.

Nhận biết cách so sánh hai số: so sánh số trăm, số chục, số đơn vị.

– Xếp thứ tự các số, số bé nhất, số lớn nhất.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** yêu nước.

## B. Thiết bị dạy học

HS: 2 thẻ trăm, 5 thanh chục và 5 khối lập phương.

GV: 3 thẻ trăm, 10 thanh chục và 20 khối lập phương.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞ ĐỘNG

**Trò chơi: ĐÓ BẠN**

GV đưa cặp số (trong phạm vi 100).

HS điền dấu (>, <, =).

HS thay nhau điều khiển lớp (hoặc chơi nhóm đôi).

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. So sánh số có ba chữ số

– HS **nhận biết** yêu cầu của bài:

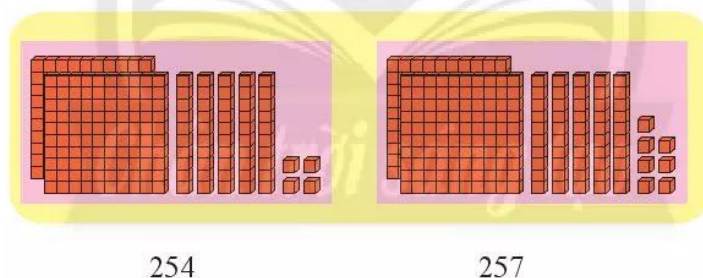
- Dùng  thể hiện số.

- Dựa vào việc so sánh nhiều hơn hay ít hơn (giữa số các khối lập phương) để so sánh hai số.

– HS hoạt động nhóm bốn (mỗi nhóm chỉ thực hiện một câu).

– GV giúp ba nhóm đại diện **trình bày**.

a) 254 và 257



– So sánh nhiều hơn, ít hơn.

+ Cùng có: 2 thẻ trăm;

5 thanh chục.

+ Hình bên trái có 4 khối lập phương lẻ, ít hơn 7 khối lập phương lẻ của hình bên phải.

+ Bên trái có số khối lập phương ít hơn bên phải.

– Kết luận:  $254 < 257$     hay     $257 > 254$ .

– Nói cách so sánh trên hai số cụ thể (HS vừa nói vừa chỉ tay vào từng cặp chữ số).



- + 2 trăm bằng hai trăm
- + 5 chục bằng 5 chục
- + 4 đơn vị bé hơn 7 đơn vị

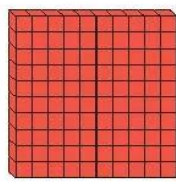
**Vậy  $254 < 257$ .**

**b) 168 và 172**

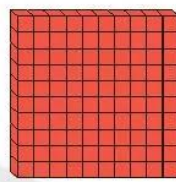
- Cùng có 1 thế trăm;
- 68 khối lập phương ít hơn 72 khối lập phương.
- 1 trăm bằng 1 trăm;
- 6 chục bé hơn 7 chục.

**Vậy  $168 < 172$ .**

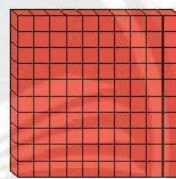
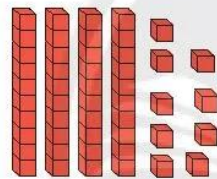
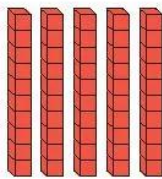
**c) 199 và 213**



Bên trái có 1 thế trăm

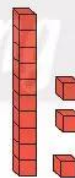


Bên phải có 1 thế trăm



Bên trái có 99 khối lập phương, ít hơn bên phải (100 khối lập phương)

*Chân trời sáng tạo*



Bên phải còn 13 khối lập phương nữa

Bên trái có số khối lập phương ít hơn bên phải.

- 1 trăm bé hơn 2 trăm.

**Vậy  $199 < 213$ .**

**– GV khái quát hoá cách so sánh các số có ba chữ số**

Khi so sánh các số có ba chữ số, ta so sánh từ trái sang phải:

- So sánh số trăm, số nào có số trăm lớn hơn là số lớn hơn.
- Số trăm bằng nhau thì so sánh số chục, số nào có số chục lớn hơn là số lớn hơn.
- Số trăm và số chục bằng nhau thì so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn là số lớn hơn.

Lưu ý: Số có ba chữ số lớn hơn số có hai (hay một) chữ số.

## 2. Trò chơi

GV chia lớp thành hai đội thi đua, HS viết số theo yêu cầu.

GV viết một số **có ba chữ số**, ví dụ: số đã cho là 325, đội 1 viết số bé hơn 325; đội 2 viết số lớn hơn 235.



Trò chơi tiếp tục với các yêu cầu khác (có thể cho HS lên điều khiển lớp chơi, hoặc chơi theo nhóm bốn, HS thay nhau cho số và nói yêu cầu).

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

– HS thực hiện theo nhóm bốn.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**.

a) HS có thể giải thích trên hai số cụ thể (ví dụ: 5 trăm < 7 trăm, ...).

b) HS có thể giải thích khái quát (ví dụ: số trăm và số chục bằng nhau, số đơn vị bé hơn số đơn vị, ...).

### Bài 2:

– GV có thể cho HS **đọc** đề bài trong SGK

hoặc GV cũng có thể viết các số lên bảng lớp (GV viết số, HS đọc số), rồi nói yêu cầu cho HS thực hiện

hoặc GV cũng có thể đọc từng số cho HS viết vào bảng con rồi nói yêu cầu.

– HS **thảo luận, nhận biết**:

- Số: Từ lớn đến bé.
- **Xác định** bắt đầu từ số lớn nhất (viết vào bìa trái), số bé nhất (viết vào bìa phải) và **sắp xếp** hai số còn lại từ lớn đến bé:

**401; 370; 329; 326**

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách so sánh để sắp xếp số.

### Bài 3:

– **Tìm hiểu**, nhận biết: Mỗi con vật nói đặc điểm của một số, tùy theo đặc điểm của số đó, em chọn đúng bao cả rôt cho từng con thỏ.

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (có 4 con thỏ, có 4 bao cả rôt)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán)

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận** và **làm bài**.

HS có thể **thực hiện** như sau:

- Sắm vai thỏ nói chuyện với nhau

Thỏ xám: Tôi có **nhều** củ cà rốt **nhất** → **Số lớn nhất**.

➤ **Tìm số lớn nhất.**

Thỏ hồng: Số củ cà rốt của tôi là số **tròn trăm**.

➤ **Tìm số tròn trăm.**

Thỏ trắng: Số củ cà rốt của tôi ít hơn của bạn → **Số bé hơn**.

Trong hai số còn lại, **tìm số bé hơn**

(HS có thể tưởng tượng Thỏ nâu sẽ nói gì? – Vậy bao củ cà rốt **còn lại** là của tôi.)

- HS **trình bày**, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

#### **Bài 4:**

- GV giúp HS **tái hiện** quan hệ thứ tự của các số trên tia số.

Trên tia số, số bên trái bé hơn số bên phải;

số bên phải lớn hơn số bên trái.

- Dựa vào nhận xét trên, HS **xác định** số lớn nhất, số bé nhất (trong bốn số), không cần biết số kẹo trong mỗi túi.

- **Kết luận** túi nhiều kẹo nhất (xanh lá) và túi ít kẹo nhất (hồng).

- Sau khi sửa bài, có thể dựa vào tia số, ước lượng số kẹo (đây cũng có thể là một phương án thực hiện của HS).

### **CỦNG CỐ**

GV có thể cho HS chơi “TÌM BẠN”

- GV cho HS viết một số bất kì (trong phạm vi 1000) vào bảng con.

- GV viết một số lên bảng, ví dụ: 415.

- GV: “Bạn của tôi, bạn của tôi”

HS: “Là ai, là ai?”

GV: Bạn có số lớn hơn 415.

Các HS có bảng ghi số lớn hơn 415 đứng lên giơ bảng xoay một vòng tại chỗ và hô to: “Tôi đây, tôi đây.”

GV mời vài em đọc số của mình rồi so sánh.

Ví dụ: Cô/Thầy mời bạn A: “500 lớn hơn 415” (hoặc 415 bé hơn 500).

- GV có thể cho HS chơi tiếp theo nhóm bốn (hoặc một HS lên điều khiển lớp chơi).